TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/4/2019
V/v "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Minh Chiến
2. Bà Nguyễn Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hào

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định *tham gia phiên toà:* Ông Lưu Công Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2018/TLST-HNST ngày 25 tháng 12 năm 2018 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXX ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lệ T , sinh năm 1980
Nơi cư trú: 219 đường H, Tổ 2, Khu vực 6, phường N, thành phố Q. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc S , sinh năm 1977
N*ơi cư trú cuối cùng:* 40 Võ Duy D , khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S tổ chức cưới hỏi vào tháng 6/2005, trước khi cưới có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND thị trấn B (nay là UBND phường B) cấp. Sau khi kết hôn chung sống ở An Nhơn, khoảng 02 năm sau thì vợ chồng vào thành phố Hồ Chí Minh lập nghiệp, anh S thay đổi tính tình, ít quan tâm đến vợ con, thường uống rượu bia với bạn bè, đi làm về khuya, vô kế gây chuyện nên vợ chồng thường kình cãi và có lần đánh nhau. Gia đình hai bên có hòa giải, sau đó vợ chồng quay về quê sinh sống nhưng không ai nhường nhịn ai, thời gian về sau xung đột vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Đến tháng 12/2012 anh S dẫn người con trai lớn tên Nguyễn Ngọc P bỏ nhà đi cho đến nay. Sau đó chị đã tìm kiếm nhưng không có kết quả. Hiện

chị không còn tình cảm với chồng, nên yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S .

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Ngọc P sinh ngày 02/6/2006 và tên Nguyễn Ngọc Thành Đ , sinh ngày 16/02/2010, từ năm 2012 đến anh S dẫn cháu P đi cùng còn cháu Đ ở với chị. Về nghĩa vụ đối với cháu P , khi có thông tin gì về cháu thì chị sẽ chăm sóc và quan tâm về mọi mặt để thực hiện trách nhiệm của người mẹ. Còn cháu Đ chị yêu cầu được nuôi cháu đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh S không có tài sản gì chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc S vắng mặt tại phiên tòa, theo Quyết định số 52/2018/QĐST-VDS ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã A tuyên bố anh Nguyễn Ngọc S mất tích. Theo lời trình bày của bà Trần Thị L(mẹ của anh S), thời gian chung sống vợ chồng S –T thường kình cãi, sống không có hạnh phúc, có 02 người con chung cháu P và cháu Đ . Cách đây khoảng 06 năm S dẫn cháu P bỏ đi biệt tích cho đến nay không có tin tức gì, còn cháu Đ đang ở với T .

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của những người tiến hành tố tụng và việc tuân thủ pháp luật của các đương sự, đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu chị Nguyễn Thị Lệ T cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S .

Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Ngọc Thành Đ sinh ngày 16/02/2010 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Riêng cháu Nguyễn Ngọc P , sinh ngày 02/6/2006 sẽ xem xét khi có yêu cầu và có thông tin về cháu.

Về tài sản chung: Chị T không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Ngọc S là bị đơn trong vụ án, theo Quyết định số 52/2018/QĐST-VDS ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã A đã tuyên bố anh Nguyễn Ngọc S mất tích, Tòa án tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật tố tụng dân sự nên theo khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S có tổ chức cưới hỏi, tự nguyện đi đến hôn nhân, có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, theo quy định pháp luật quan hệ

hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T đã phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 12/2012 anh S dẫn người con chung tên P bỏ đi không có thông tin liên lạc. Tại Quyết định số 52/2018/QĐST-VDS ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã A đã tuyên bố anh Nguyễn Ngọc S mất tích, từ thời điểm trên cho đến nay cũng không có thông tin gì về anh S . Xét về quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị T không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh S Có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc P , sinh ngày 02/6/2006 và cháu Nguyễn Ngọc Thành Đ , sinh ngày 16/02/2010. Hiện cháu Đ đang ở với chị T , việc học hành kết quả tốt và sức khỏe của cháu bình thường, chị T có thu nhập ổn định nên giao cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp nguyện vọng của cháu Đ và đúng với quy định tại Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn Nhân và Gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng chị T không yêu cầu nên miễn xét, còn về cháu P Tòa sẽ xem xét khi có yêu cầu và có thông tin về cháu.

[4] Về tài sản chung và nợ: Không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện có tài sản liên quan đến anh S nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Qua đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng vào Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Lệ T cho chị ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S.

2. Về nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc P , sinh ngày 02/6/2006 và Nguyễn Ngọc Thành Đ , sinh ngày 16/02/2010. Cháu P hiện không biết nơi ở cụ thể nên về trách nhiệm nuôi dưỡng đối với cháu Tòa sẽ xem xét khi có yêu cầu và có thông tin về cháu. Giao cháu Đ cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Chị T không có yêu cầu về cấp dưỡng nên miễn xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con , Tòa sẽ giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

3. Về tài sản chung: Chị T và anh S không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008872 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Lệ T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Ngọc S vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Kiêu Oanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- UBND phường B;
- Lưu hồ sơ.

.

4,2

Huỳnh Thị Kiều Oanh